

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA NGHỆ THUẬT ỨNG DỤNG

**ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Lịch sử âm nhạc Việt Nam		
Mã học phần:	DNV110	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	DNV110		
Hình thức thi: <b>Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 15/03/2024.**

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:  
+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TIEUL\_De 1

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO 1</b>	Hiểu biết, trình bày, giải thích được về quy luật phát sinh - phát triển của âm nhạc, văn hoá âm nhạc Việt Nam;	TỰ LUẬN	25	1	2,5	
<b>CLO 2</b>	Hiểu biết, nắm vững, trình bày, giải thích được đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;	TỰ LUẬN	25	2	3,5	
<b>CLO 3</b>	Vận dụng những kiến thức về nội dung, hình tượng âm nhạc, phong cách của tác giả âm nhạc Việt Nam để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	TỰ LUẬN	30	3	3	
<b>CELO 4</b>	Hiểu biết lịch sử, giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để đóng góp vào sự nghiệp giáo dục các thế hệ sau và góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc dân tộc văn hoá âm nhạc.	TỰ LUẬN	20	4	1	

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

### **III. Nội dung đề bài**

#### **1. Đề bài (cho phép sử dụng tài liệu)**

*1/ Anh (Chị) hãy cho biết về những sự kiện âm nhạc dưới triều Lê. (2,5 điểm)*

*2/ Dựa trên những giả thuyết về tên gọi, nguồn gốc của Hát Chèo cho thấy tính chất gì của thể loại sân khấu truyền thống Việt Nam? Anh (Chị) hãy cho biết lịch sử quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Chèo. (3,5 điểm)*

*3/ Anh (Chị) hãy cho biết sự hình thành âm nhạc mới ở Việt Nam. (3 điểm)*

*4/ Anh (Chị) cho biết cảm nhận và suy nghĩ của mình đối với 1 trong 3 Nghệ thuật sân khấu truyền thống (Chèo, Tuồng, Cải lương) cũng như đề xuất ý kiến góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc dân tộc văn hoá âm nhạc. (1 điểm)*

#### **2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài**

*1/ Anh (Chị) hãy cho biết về những sự kiện âm nhạc dưới triều Lê. (2.5 điểm)*

Đáp án:

- Nhà Lê coi trọng lễ nhạc triều nghi của Nho gia. Các loại nhạc được trình tấu đúng theo từng nghi lễ.
- Thời Lê sơ, Thái tông Lê Nguyên Long sau khi lên ngôi (1433), vào tháng giêng, niên hiệu Thiệu Bình năm thứ tư (1437) đã ban lệnh sai Hành khiển Nguyễn Trãi và Lỗ bộ ty giám Lương Đăng đốc suất làm loan giá, nhạc khí và dạy tập nhạc múa.
- Lương Đăng đặt quy chế mới cho nhạc cung đình, tách khỏi âm nhạc dân gian truyền thống. Ông bắt chước qui chế âm nhạc nhà Minh (Trung hoa) định ra *Đường thương chi nhạc* và *Đường hạ chi nhạc*, các loại nhạc *Tế giao*, *Tế miếu*, *Tế ngũ tự*,

*Cửu nhật nguyệt giao trùng nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, Yến nhạc, Cung nhạc.* Bấy giờ có lệnh bỏ trò hát chèo và hát rí ren.

- Toàn thư chép, thời vua Nhân tông Lê Bang Cơ, vào niên hiệu Thái Hòa năm thứ 7 (1449), “mùa xuân tháng giêng, ban yến cho các quan, múa nhạc *Bình Ngô phá trận*”. Lại vào niên hiệu Diên Ninh năm thứ 3 (1456), ngày 15 tháng 2, “vua thân dẫn bá quan bái yết sơn lăng, đánh trống đồng, quân lính hò reo hưởng ứng. Về nhạc, võ thì múa điệu *Bình Ngô phá trận*, văn thì múa điệu *Chư hầu lai triều*”.
- Thời hưng thịnh của nhà Lê: Thời Lê Thánh Tông, bộ Lễ định ra Quốc nhạc và Tục nhạc. Từ năm 1471, vua Lê Thánh Tông phong cấp cho các quan Ty để trông nom các Giáo phường. Năm 1497, các đại thần đương triều là Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế Vinh đã “tìm tòi thanh luật đất Trung châu (Trung Quốc) để hoàn bị âm nhạc nước nhà, chia đặt hai thự: *thự Đông vãn* (dàn nhạc) và *thự Nhã nhạc* (hát múa) thuộc Thái thường tự. Âm nhạc dùng trong quân đội có kỵ sĩ thổi kèn đánh trống, chia ra lệ thuộc vào các vệ và quan Bả lệnh ngũ quân.
- Năm Hồng Đức 26 (1495) nhân thời tiết thuận hòa, vua làm 9 bài: Phong niên, Quân đạo, Thần tiết, Minh lương, Anh hiền, Kỳ khí, Thư thảo, Văn nhân, Mai hoa. Sau đó chín bài thơ này được ghép vào khúc hát nên gọi là Quỳnh uyển cửu ca. Đây là các ca khúc bằng chữ Hán theo thơ 7 chữ, được tấu lên cùng nhã nhạc và biểu diễn trong cung.
- Theo Phạm Đình Hổ, âm luật thời Hồng Đức (1460 - 1498) có 4 cung (hoàng chung, đại thực, cung nam, cung bắc), 2 luật (dương kiều và âm kiều), các điệu hát Hà Nam, Hà Bắc, Bát đoạn cầm. Đầu thế kỷ XVI có quyển Hí phường phả lục của Lương Thế Vinh đúc kết những nguyên tắc hát múa và đánh trống.
- *Kiến văn tiểu lục* và *Khảo giáo phường thức* cùng ghi lại quy định của bộ Lễ về chương trình khảo thí và diễn xướng của giáo phường thời Lê sơ mà Lê Quý Đôn cho là nhạc vũ thời Trần.
- Từ thời Lê sơ, những người làm nghề ca xướng không được coi trọng nữa. Triều đình qui định không cho con nhà ca xướng đi thi. Con gái nhà ca xướng không được lấy con nhà quan. Nếu quan chức lấy con nhà ca xướng thì sẽ bị đánh gậy và

giáng chức. Con cháu nhà quan lại lấy con nhà ca xướng sẽ bị đánh và bị buộc phải ly hôn.

- Từ thời Lê Trung hưng, Giáo phường phát triển mạnh mẽ. Phủ chúa Trịnh có đội Bả lệnh phục vụ tang tế trong quan phủ và ngoài dân gian (năm 1600).
- Các bản Nhạc chương chữ Nôm thời nhà Lê dùng trong cung miếu họ Trịnh cho thấy thời đại này đang xây dựng một lễ lối “y – quan – lễ – nhạc” riêng, khác với Trung Hoa.
- Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, hệ tư tưởng Nho giáo rạn nứt, Phật giáo và Đạo giáo phục hồi. Âm nhạc cung đình theo Trung hoa ngày càng xuống dốc. Giáo phường do cai đội trông coi. Nhiều lễ nghi triều đình phải mượn Giáo phường hòa tấu cùng Đồng văn và Nhã nhạc. Nhã nhạc và tục nhạc không còn phân biệt rõ ràng nữa.

**2/ Dựa trên những giả thuyết về tên gọi, nguồn gốc của Hát Chèo cho thấy tính chất gì của thể loại sân khấu truyền thống Việt Nam? Anh (Chị) hãy cho biết lịch sử quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Chèo. (3.5 điểm)**

**Đáp án:**

- Chèo được hình thành với hai tính chất chủ yếu là tính tích diễn (diễn kịch nhằm kể lại những câu chuyện) và tính ứng diễn (lối diễn tùy hứng của dân gian, không có kịch bản, dàn dựng trước).
- Lịch sử hình thành và phát triển:

➤ **Thời kỳ phôi thai:**

Từ khoảng thế kỷ thứ VI trước CN đến thế kỷ thứ I sau CN (khoảng 5 thế kỷ): là thời kỳ trỗi dậy của những bộ lạc cùng chung dòng chủng tộc Lạc Việt sống dọc theo các con sông lớn; là thời kỳ đồng thau và nền văn minh Đông Sơn (trồng đồng Đông Sơn).

➤ **Thời kỳ chuyển tiếp:**

Từ thế kỷ thứ I sau CN đến năm Ngô Quyền lên ngôi, mở đầu thời đại độc lập, tự chủ (khoảng 10 thế kỷ): Chèo được hình thành và gọi là phường Chèo Bội. Đây là hình thức mang tính “quá độ” được trình diễn trong nghi thức tế lễ và phát triển thành hình thức nghệ thuật sân khấu.

➤ **Thời kỳ định hình – phát triển:**

- Bắt đầu từ thế kỷ thứ X đến đầu thế kỷ XX. Thời kỳ phổ biến lối hát diễn trong các làng xã miền Bắc vào những dịp Tết, hội hè... Chèo thời kỳ này vẫn là lối ca diễn cương, không có kịch bản cụ thể, các vai diễn đều nắm rõ tích trò, biết hát một số làn điệu để ứng diễn và sân khấu là dải chiếu trước sân đình, nơi tổ chức các sinh hoạt của cộng đồng làng xã. Âm nhạc chủ yếu là các lối hát, nói trong dân gian được sân khấu hóa. Dàn nhạc ban đầu không có nhạc khí giai điệu, chủ yếu là các nhạc khí gõ. Về sau có thêm đàn nhị để dẫn giọng.
- Thời kỳ sân khấu Chèo cải cách – Chèo văn minh: thời kỳ này hát Chèo được đưa lên sân khấu. Nhà hát diễn chèo đầu tiên mang tên Văn Minh – với tên tuổi nhà cải cách Nguyễn Đình Nghi. Sau đó là việc ghi chép lại những kịch bản cổ trong dân gian, sáng tác những kịch bản phải theo thể loại lịch sử, có phân vai, tập ca diễn. Người hát diễn phải theo kịch bản và được học các làn – điệu để thể hiện theo kịch bản cũng như tính chất của làn điệu mà thầy tuồng yêu cầu.
- Thời kỳ từ năm 1945 đến nay: hình thành những kịch bản theo nội dung mới xây dựng CNXH ở miền Bắc, cải cách về phần âm nhạc bằng phần đệm cho các tình huống kịch. Cùng với những kịch bản nội dung mới và những sáng tác phần đệm âm nhạc theo kiểu nhạc kịch phương Tây là sự phát triển của dàn nhạc Chèo theo cơ cấu của dàn nhạc giao hưởng. Đã có lúc dàn nhạc lên đến 30 người, phân tổ bộ... Hiện nay với chủ trương bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, nhiều vở chèo cổ được khôi phục với tinh thần giữ gìn nguyên bản, được ghi hình và trở thành những tác phẩm kinh điển của nghệ thuật sân khấu Chèo.

### ***3/ Anh (Chị) hãy cho biết sự hình thành âm nhạc mới ở Việt Nam (3.0 điểm)***

#### Đáp án:

- Vào những năm đầu thế kỷ XX, dưới chế độ thực dân, âm nhạc của người dân Việt chủ yếu là những làn điệu dân ca. Âm nhạc giải trí ở các đô thị chủ yếu là hát xẩm, ca trù, hát chèo (văn minh), hát tuồng... Đĩa nhạc 78 vòng do các hãng băng đĩa Pháp như Béka, Pathé... thu âm đàn ca Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ cũng được nhiều giới (nhất là trí thức, nhà giàu) ưa chuộng.
- Một số nhà giáo như Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái dùng thơ ca viết Đại Nam quốc sử diễn ca hoặc phổ biến một số bài hát kể chuyện, tích sử trên điệu nhạc cổ truyền

(ca Huế, đờn ca tài tử...) để truyền bá lịch sử, nung nấu lòng yêu nước. Nhạc cổ truyền với nội dung lời mang tính chiến đấu, cách mạng (khuyết danh) như: Vợ khuyển chồng Giác Viên theo điệu Sa mạc; Tiên chân anh phỏ vào nhà pha theo điệu Hát Xẩm; Hỡi đồng bào theo điệu Hành vân; Tiên bạn ra về theo điệu Hát nói ca trù... trở nên phổ biến.

- Nhu cầu âm nhạc cho đời sống, cho giáo dục, cho tuyên truyền cách mạng đã ngày càng thúc đẩy. Năm 1922, Trần Đại Thụ ở Thanh Hóa lập hội ca nhạc ái hữu. Từ năm 1923-1925, nhóm ca kịch trường Bưởi (nay là trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội) do Nguyễn Văn Tô thành lập.
- Một khuynh hướng khác, sử dụng làn điệu âm nhạc quốc tế để chuyển tải nội dung cách mạng, kêu gọi lòng yêu nước như: năm 1925 Nguyễn Tất Thành dịch Quốc tế ca bằng văn vần; Nguyễn Văn Long đặt lời và dịch lời Việt những bài hát cách mạng quốc tế.
- Năm 1927 (nhạc viện) Conservatoire Francais d'Extrême-Orient do người Pháp thành lập tại Hà Nội và năm 1933 (nhạc viện) Conservatoire de Musique do Ủy ban Nghệ thuật Sài Gòn thành lập; tuy chỉ hoạt động trong thời gian ngắn nhưng đã góp phần đào tạo những nghệ sĩ biểu diễn nhạc khí phương Tây đầu tiên cho Việt Nam, có kiến thức về hát xướng, nhạc lý cơ bản, hòa âm... như: Nguyễn Xuân Khoát, Lưu Quang Duyệt, Nguyễn Hữu Hiếu, Nguyễn Văn Giệp, Phạm Huy Quỹ, Phạm Huy Kỳ, Đỗ Tình, Phạm Đăng Hình...
- Một số thanh niên thời bấy giờ biết đến âm nhạc phương Tây qua các ca khúc cách mạng từ phong trào đấu tranh của các dân tộc khác trên thế giới, cùng với việc truyền bá chủ nghĩa Mac-Lênin vào Việt Nam cũng tham gia việc đặc lời mới cho các làn điệu dân ca, phỏng dịch những bài ca cách mạng của các nước như là một trong những hình thức hoạt động của các tổ chức Đảng trong quần chúng để tập hợp lực lượng cổ vũ cho cuộc đấu tranh. Các bài hát này được bí mật truyền miệng và có liên quan đến dòng nhạc cách mạng trong âm nhạc “cải cách” sau này. Phong trào này âm ỉ từ những năm 1920 và phát triển mạnh mẽ ở những năm 1930 sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

- Những điệu hát lời Ta điệu Tây phát triển nhiều ở khoảng năm 1934 đến năm 1937 và kéo dài đến những năm đầu thập niên 40. Tuy nhiên nhu cầu sáng tạo những bài hát mới theo phong cách Châu Âu đã bắt đầu trở thành thường xuyên và phổ biến trong công chúng, nhất là thanh niên, sinh viên, học sinh (ngay khi âm nhạc Châu Âu đã quen thuộc trong đời sống âm nhạc Việt Nam). Đây cũng là nhu cầu sáng tác để tuyên truyền cổ vũ phong trào yêu nước cách mạng. Năm 1930 trong thời gian bị tù ở Côn Đảo, nhạc sĩ Đinh Nhu đã viết hành khúc Cùng nhau đi hồng binh và sau đó nhạc sĩ Đỗ Nhuận viết Du kích ca, nhạc sĩ Hoàng Quý viết Cảm tử quân, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước viết Lên đảng...
- Cũng trong khoảng thời gian này, nhiều thanh niên Việt Nam được học âm nhạc phương Tây bắt đầu sáng tác những bài hát trên khúc thức và phương pháp mới, âm điệu trữ tình: Bẽ bàng (1935) và Nghệ sĩ hành khúc (1936) của Lê Yên; Tiếng sáo chẵn trâu (1935), Bên hồ liễu (1936) và Bóng ai qua thềm (1937) của Văn Chung; Con thuyền không bến (1937), Giọt mưa thu (1940) của Đặng Thế Phong; Gió thu, Tiếng hát đêm thu (1938), Biệt li (1939) của Doãn Mẫn; Đêm đông (1936) của Nguyễn Văn Thương...
- Lịch sử Tân nhạc Việt Nam thời kỳ đầu chính là lịch sử xuất hiện của những nhóm Tân nhạc với những khuynh hướng nghệ thuật riêng biệt nhưng cùng chung một mục đích hình thành nền âm nhạc Việt Nam với cách thể hiện mới (trên 5 dòng kẻ) chứa đựng nội dung, ngôn ngữ âm nhạc mang bản sắc dân tộc độc đáo.
- Phong trào sáng tác mới, sự ra đời của âm nhạc mới (còn gọi là nhạc cải cách) được đánh dấu chính thức vào tháng 3 năm 1938 khi Nguyễn Văn Tuyên tiến hành chuyến đi xuyên Việt tuyên truyền cho nhạc Pháp và kết hợp giới thiệu phong trào sáng tác mới (âm nhạc cải cách).
- Khi đất nước được độc lập, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được khai sinh thì một nền âm nhạc mới cũng bắt đầu thay da đổi thịt. Đại hội Văn hóa Cứu quốc được tổ chức trọng thể tại Hà Nội từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 10 năm 1946 với bốn đại diện âm nhạc: Nguyễn Hữu Ba, Văn Cao, Phạm Duy, Lưu Hữu Phước. Ban chấp hành của Hội Văn Hóa Cứu Quốc được bầu ra trong đó có một ủy viên là nhạc sĩ Văn Cao; đại hội được xem như mốc kết thúc thời kỳ đầu của Tân nhạc.



### 3. Rubric và thang điểm

Đánh giá cho CELO	Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 80– 100%	Khá Từ 60 – dưới 80%	Trung bình Từ 50 – dưới 60%	Yếu dưới 40%
CELO 1	hiểu biết về quy luật phát sinh - phát triển của âm nhạc, văn hoá âm nhạc Việt Nam;	25%	nắm vững được quy luật phát sinh – phát triển của các thể loại âm nhạc VN	Nắm được quy luật phát sinh – phát triển của các thể loại âm nhạc VN		Nhầm lẫn kiến thức âm nhạc khi thực hiện
CELO 2	hiểu biết, nắm vững đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;	25%	hiểu biết, đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;	chỉ nắm được 60% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ	chỉ nắm được dưới 60% -50% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ	chỉ nắm được dưới 50% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ
CELO 3	vận dụng những kiến thức về nội dung, hình tượng âm nhạc, phong cách của tác giả âm nhạc Việt Nam để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	30%	vận dụng được trên 80% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	vận dụng được trên 60% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	vận dụng được trên 50% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.	vận dụng được dưới 50% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.
CELO 4	hiểu biết lịch sử, giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để đóng góp vào sự nghiệp giáo dục các thế hệ sau và góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc.	20%	hiểu biết từ 80% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc.	hiểu biết trên 60% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc	hiểu biết trên 50% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam, góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc	Không mong muốn/ bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc
		100%				

**Câu 1: 2.5 điểm**

**Câu 2: 3.5 điểm**

**Câu 3: 3.0 điểm**

**Câu 4: 1.0 điểm**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024*  
**Giảng viên ra đề**

**Người duyệt đề**

**Trần Thanh Hà**

**Đinh Xuân Bảo Ngọc**